TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 05/01/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2023/TLPT-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2023, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 67/2023/HNGĐ-ST, ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 386/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Huyền T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 89 (và số 87), đường D, Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Hồ Huyền T: Luật sư Trương Thị Mỹ L – Văn phòng Luật sư D – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Sơn Đức T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 89, đường D, Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Sơn Đức T: Luật sư Lưu Trí D – Văn phòng Luật sư N – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh S. (Có mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Sơn Đức T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* Nguyên đơn trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Huyền T và ông Sơn Đức T tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Châu Thành, ngày 24 tháng 6 năm 2015. Trong thời kỳ hôn nhân ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, có một con chung: Sơn Vạn Đ, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2015; Về tài sản chung: Ông bà có tạo lập tài sản chung: Diện tích 110,8m^2, thửa số 2319, tờ bản đồ số 53, tài sản gắn liền với đất là căn nhà 2 tầng; nhà và đất cùng tọa lạc tại Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, nguồn gốc phần đất do cha: Hồ Quang V tặng cho bà Hồ Huyền T vào năm 2016, cùng năm 2016 bà Hồ Huyền T được các chú và cha cho một số tiền bà Hồ Huyền T xây căn nhà, việc ông T có ra tiền 120 triệu đồng cùng xây dựng nhà bà không rõ, vì thời điểm này bà đang nghỉ thai sản, việc làm thủ tục giấy phép xây dựng và xây dựng căn nhà do ông T thực hiện; Về nợ chung: Ông bà không có nợ ai và cũng không có ai nợ ông, bà.

Bà Hồ Huyền T cho rằng thời gian cuối năm 2021, bà Hồ Huyền T và ông Sơn Đức T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, ông T hay ghen tuông dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả nên tình cảm vợ chồng không được quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà không còn chung sống với nhau.

Nay bà Hồ Huyền T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Huyền T được ly hôn với ông Sơn Đức T. Về con chung: Giao cho bà Hồ Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sơn Vạn Đ, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2015. Ông Sơn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đối với phần diện tích 110,8m^2, thửa số 2319, tờ bản đồ số 53, tài sản gắn liền với đất là căn nhà Nhà 2 tầng, nhà và đất cùng tọa lạc tại Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo bà Hồ Huyền T. Dựa trên công sức đóng góp của mỗi bên, bà Hồ Huyền T yêu cầu Tòa giải quyết: Giao hiện vật nhà và đất cho bà Hồ Huyền T; Ông Sơn Đức T nhận 30% giá trị nhà và đất. Về nợ chung: Bà Hồ Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Sơn Đức T trình bày: Thừa nhận về thời gian chung sống, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung của ông bà theo lời trình bày của bà Hồ Huyền T là đúng sự thật.

Về quan hệ hôn nhân: Ông T đồng ý ly hôn với bà Hồ Huyền T, vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà T không cho ông làm nghề cửa sắt tại nhà, dẫn đến mâu thuẫn, bà T yêu cầu ly hôn ông T đồng ý dù ông T cũng muốn con có đủ cha, mẹ.

Về con chung: Bà T yêu cầu giao cho bà Hồ Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sơn Vạn Đ, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2015, ông T không đồng ý. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho ông Sơn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sơn Vạn Đ, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2015; Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng đối với cháu Đ. Lý do: ông T muốn duy trì cuộc sống học tập, tránh ảnh hưởng

tâm lý của cháu, muốn mọi thứ nhẹ nhàng tránh sốc tâm lý, cháu Đ thích chung sống với ông bà Nội đang học tại Trường tiểu học Phú Tân A; Ông T vẫn tạo điều kiện cho bà T thăm nom, chăm sóc đối với cháu Điền, bà T hằng ngày đi làm nhân viên y tế Công ty Thủy sản, cũng không có thời gian chăm sóc trực tiếp con; Đối với công việc của ông T thợ cơ khí chủ động hơn phân bổ thời gian hợp lý để chăm sóc con.

Về tài sản chung: Đối với phần diện tích 110,8m^2, thửa số 2319, tờ bản đồ số 53 là do cha vợ: ông Hồ Quang V và bà Trần Thị Thu H cho tặng cho bà Hồ Huyền T vào năm 2016; đối với căn nhà trên đất nguồn tiền xây dựng: do cha vợ ông Hồ Quang V cho tiền 60.000.000đồng; ông Hồ Quốc L là chú vợ cho tiền 150.000.000đồng; ông Hồ Quang C là chú vợ cho tiền 30.000.000đồng, tiền tiết kiệm chung hai vợ chồng từ khi đám cưới: 74 triệu đồng, tiền cá nhân ông T tự vay (đã trả xong) 120.000.000đồng. Sau khi xây dựng xong căn nhà, bà Hồ Huyền T ký hợp đồng tặng cho ông Sơn Đức T nên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất CE 052734, số vào sổ cấp GCN: CS00156, cấp ngày 29/8/2016 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Sóc Trăng, chưa làm thủ tục gắn nhà trên đất. Nên giá trị tài sản chung ông T và bà T có quyền sở hữu ngang nhau đều 50%. Do đó, ông T đồng ý Tòa án giao nhà và đất cho bà Hồ Huyền T; Bà T trả giá trị ông T 50% giá trị tài sản. Về nợ chung: Ông Sơn Đức T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố S tiến hành thẩm định tài sản tranh chấp, trưng cầu Công ty Cổ phần đầu tư và thẩm định giá Thành Nam:

Quyền sử dụng đất: Thửa số 2319, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, Diện tích 110,8m^2, giá 13.312.526 (đồng/ m^2) = 1.475.027.881đồng;

Công trình xây dựng trên đất:

Nhà 2 tầng, diện tích 89,3 m^2, giá 5.332.000(đồng/ m^2) chất lượng còn lại của công trình xây dựng 70%: = 333.116.700đồng;

Nhà vệ sinh diện tích 4m^2, giá 4.875.000(đồng/ m^2), chất lượng còn lại của công trình xây dựng 60%: = 11.700.000 đồng.

Tổng giá trị bất động sản là: 1.819.844.581 đồng, làm tròn 1.820.000.000 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về giá trị tài sản chung.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 67/2023/HNGĐ-ST, ngày 23 tháng 8 năm 2023, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 157; Khoản 2 Điều 165; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 19; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 7 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân

dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao –Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Huyền T về việc Ly hôn: Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Huyền T được ly hôn với ông Sơn Đức T.

2/ Không chấp nhận yêu cầu về tranh chấp nuôi con chung của bà Hồ Huyền T:

Giao cho ông Sơn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng Sơn Vạn Điền (giới tính: Nam, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2015). Bà Hồ Huyền T không phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Sơn Vạn Điền.

Bà Hồ Huyền T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Sơn Vạn Điền (giới tính: Nam, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2015) theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Huyền T: Về chia tài sản sau khi ly hôn với ông Sơn Đức T.

Giao cho bà Hồ Huyền T toàn quyền: Quyền sử dụng đất đối với Thửa số 2319, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, Diện tích 110,8m^2; Quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất: Nhà 2 tầng, diện tích 89,3 m^2, nền lát gạch men, vách tường gạch, khung sàn bêtông cốt thép, mái lợp tol; Nhà vệ sinh diện tích 4m^2, nên lát gạch men, vách tường gạch, mái lợp tol.

Buộc bà Hồ Huyền T có trách nhiệm trả cho ông Sơn Đức T số tiền 728.000.000 đồng *(Bảy trăm hai mươi tám triệu đồng);*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 06/9/2023, bị đơn ông Sơn Đức T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trưng cầu giám định lại giá trị tài sản chung theo giá thị trường và phân chi tài sản chung mỗi người được hưởng 50% ngang nhau.

* Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Sơn Đức T trình bày: Ông Sơn Đức T là người trực tiếp nuôi con chung mà không có yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra trong quá trình xây dựng nhà ông T có vay tiền của Ngân hàng để đóng góp vào việc xây dựng nhà, sau khi cấp phúc thẩm định giá lại thì bà T cũng không có khiếu nại, do đó giữa ông T và bà T có công sức đóng góp ngang nhau đối với phần tài sản chung này, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chia phần tài sản chung theo hướng mỗi người được 50%.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Hồ Huyền T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nguồn gốc tài sản là đất và tiền xây dựng nhà đều do cha mẹ và chú của bà T cho, vì vậy công sức đóng góp của bà T nhiều hơn ông T. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T cũng thống nhất với kết quả định giá của Tòa cấp sơ thẩm, còn đối với việc định giá lại của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thẩm định giá Sao Việt là chưa đúng với giá thực tế hiện nay và bà T cũng có tường trình không đồng ý với kết quả định giá lại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận chứng thư định giá của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thẩm định giá Sao Việt cũng như không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thẩm định giá Sao Việt và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên Bản án hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn ông Sơn Đức T là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định, nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, ông Sơn Đức T cư trú tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án

nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về kết quả định giá tài sản tranh chấp: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, tại chứng thư thẩm định giá xác định quyền sử dụng đất tại thửa số 2319, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, Diện tích 110,8m^2, giá 13.312.526 (đồng/m^2) = 1.475.027.881 đồng, sau khi thụ lý phúc thẩm bị đơn có yêu cầu định giá lại thửa đất số 2319, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại Khóm B, Phường H, thành phố S và tại chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thẩm định giá Sao Việt xác định quyền sử dụng đất tại thửa số 2319, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, Diện tích 110,8m^2, giá đất ở 17.258.000 đồng/m^2 x 50m^2 = 862.900.000 đồng, giá đất trồng cây lâu năm 12.858.000 đồng x 60, 8m^2 = 781.858.400 đồng, tổng cộng là 1.644.666.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bị đơn đã đồng ý với chứng thư thẩm định giá cho nên Tòa án cấp sơ thẩm đã dùng kết quả này để giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật, đối với chứng thư thẩm định giá tại giai đoạn phúc thẩm mà bị đơn yêu cầu định giá lại thì nguyên đơn không đồng ý với chứng thư thẩm định giá này, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm sử dụng chứng thư thẩm định giá của Tòa án cấp sơ thẩm trưng cầu để giải quyết vụ án.

[4]. Xét kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Thửa đất số 2319, tờ bản đồ số 53, cùng với căn nhà gắn liền trên đất tọa lạc tại Khóm B, Phường H, thành phố S có nguồn gốc là của cha bà T là ông Hồ Quang V tặng cho vào năm 2016, cùng năm 2016 bà T được các chú và cha cho một số tiền để xây dựng nhà đến ngày 25/4/2016 bà Hồ Huyền T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 303097, sau đó bà T đồng ý cho ông T nên đến ngày 29/8/2016 bà Hồ Huyền T và ông Sơn Đức T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 052734, thuộc thửa đất số 2319, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, nên đây là tài sản chung của vợ chồng theo quy định Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy có căn cứ để xác định phần công sức đóng góp trong việc tạo lập, duy trì thửa đất số 2319 và căn nhà gắn liền trên đất, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là của bà T nhiều hơn, tuy nhiên do ông Sơn Đức T là người trực tiếp nuôi con chung là cháu Sơn Vạn Đ, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho bà T được hưởng 60% và ông T hưởng 40% là có căn cứ và đúng với quy định pháp luật.

[5]. Từ những chứng cứ, tài liệu như nhận định trên, cho thấy kháng cáo của bị đơn ông Sơn Đức T là không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6]. Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Xét lời trình bày của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8]. Xét lời trình bày của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu.

[10]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[11]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Sơn Đức T. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 67/2023/HNGĐ-ST ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và được tuyên lại như sau:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 157; Khoản 2 Điều 165; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 19; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn Điều 7 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao –Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Huyền T về việc Ly hôn: Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Huyền T được ly hôn với ông Sơn Đức T.

2. Không chấp nhận yêu cầu về tranh chấp nuôi con chung của bà Hồ Huyền T:

- Giao cho ông Sơn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng Sơn Vạn Điền (giới tính: Nam, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2015) cho đến khi con cháu Điền đủ 18 tuổi. Bà Hồ Huyền T không phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Sơn Vạn Điền.

- Bà Hồ Huyền T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Sơn Vạn Điền không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Huyền T: Về chia tài sản sau khi ly hôn với ông Sơn Đức T.

- Giao cho bà Hồ Huyền T được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt phần tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa số 2319, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại Khóm B, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, Diện tích 110,8m^2; Quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất: Nhà 2 tầng, diện tích 89,3 m^2, nền lát gạch men, vách tường gạch, khung sàn bêtông cốt thép, mái lợp tol; Nhà vệ sinh diện tích 4m^2, nên lát gạch men, vách tường gạch, mái lợp tol.

- Buộc bà Hồ Huyền T có trách nhiệm trả cho ông Sơn Đức T số tiền 728.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: Tổng cộng là 9.950.000 đồng. Nguyên đơn bà Hồ Huyền T phải chịu 5.970.000 đồng tương đương với 60% giá trị tài sản được chia, bị đơn ông Sơn Đức T phải chịu 3.980.000 đồng tương đương với 40% giá trị tài sản được chia. Do nguyên đơn bà T đã nộp tạm ứng trước, vì vậy buộc ông Sơn Đức T phải nộp số tiền 3.980.000 đồng để trả cho bà Hồ Huyền T.

6. Về chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Bị đơn ông Sơn Đức T phải chịu 11.550.000 đồng, ông T đã nộp xong.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hồ Huyền T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn và 44.760.000 đồng án phí có giá ngạch tài sản chung được chia, tổng cộng là 45.060.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, phần tiền này được khấu trừ số tiền 9.050.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000864 ngày 25/11/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà Hồ Huyền T phải nộp số tiền còn lại là 36.010.000 đồng.

- Ông Sơn Đức T phải chịu số tiền 33.120.000 đồng.

8. Về án phí phúc thẩm: Ông Sơn Đức T phải chịu 300.000 đồng, phần tiền này được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai

thu số 0009659 ngày 06/9/2023 của Chi cục thi hành dân sự thành phố Sóc Trăng. Như vậy ông T đã nộp xong án phí phúc thẩm.

9. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TP S;
- Chi cục THA TP S;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định